

Tăng trưởng kinh tế là chỉ số kinh tế tổng hợp quan trọng, phản ánh tương đối toàn diện mọi mặt của nền kinh tế từ những cú sốc bên trong cũng như bên ngoài, từ những thay đổi trong chính sách và trong hiệu quả điều hành của Chính phủ. Ổn định kinh tế vĩ mô và cải thiện môi trường kinh doanh là điều kiện tiên quyết để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Việc đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô đòi hỏi sự kết hợp nhịp nhàng, hợp lý giữa chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ để duy trì lạm phát ở mức thấp, ngân sách cân đối, nợ xấu trong hệ thống ngân hàng trong tầm kiểm soát, thị trường tài sản không hình thành bong bóng và thị trường trái phiếu phát triển. Do đó, hoàn thiện thể chế, quy định, nhất là các quy định về tài chính, đầu tư cần được đẩy nhanh thực hiện, tháo gỡ được vấn đề tồn tại và cải thiện hiệu quả hoạt động của khu vực công, góp phần thúc đẩy nền kinh tế vận hành thuận lợi, mạnh mẽ.

Từ khóa: Mô hình tổng cung - tổng cầu, tăng trưởng kinh tế, ổn định vĩ mô, chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ.

Economic growth is an important composite economic indicator, reflecting comprehensively all aspects of the economy from internal and external shocks, from changes in policies, and in regulating efficiency of the government. Stabilizing the macro economy and improving the business environment are prerequisites for promoting economic growth. Ensuring macroeconomic stability requires a reasonable combination of fiscal and monetary policies to maintain low inflation and a balanced budget, and ensure that bad debts in the banking system are under control, the asset market does not form a bubble and the bond market is developed. Therefore, the completion of institutions and regulations, especially those on finance and investment, should be implemented quickly, while existing problems are solved and the performance of the public sector is improved, in order to promote a favorable and strong operation of the economy.

Keywords: Model of aggregate supply - aggregate demand, economic growth, macro stability, fiscal policies, monetary policies.

¹ Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

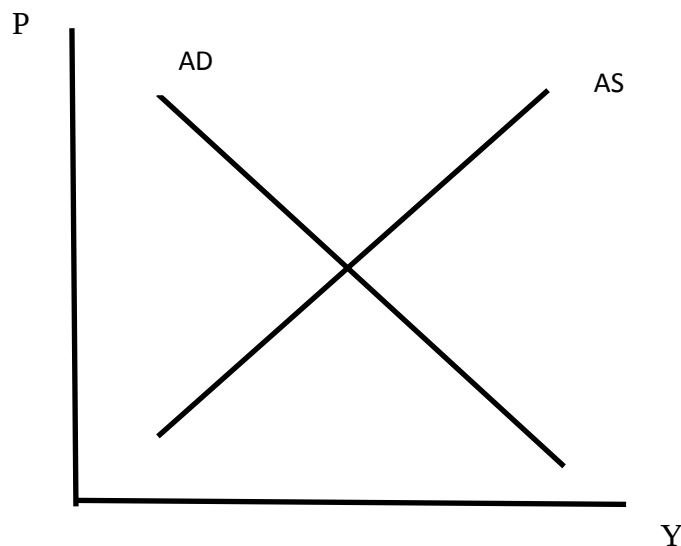
² Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội.

1. Mô hình tổng cung - tổng cầu

Mô hình tổng cung - tổng cầu được thể hiện phổ biến trong các giáo trình về kinh tế vĩ mô chuẩn (chẳng hạn, Mankiw, 2010; Blanchard, 2009, Mishkin, 2012). Đường tổng cung thể hiện các điểm cân bằng trên thị trường lao động và đường tổng cầu thể hiện các điểm cân bằng đồng thời trên cả thị trường hàng hóa và tiền tệ. Như vậy, điểm cân bằng - điểm giao giữa đường tổng cung và tổng cầu - là điểm tại đó các thị trường hàng hóa, tiền tệ, lao động cân bằng đồng thời (Hình 1). Hay nói cách khác, nền kinh tế đạt trạng thái cân bằng tổng quát.

Đường tổng cầu dịch chuyển khi có sự thay đổi trong chính sách tài khóa và tiền tệ, khi có các cú sốc ảnh hưởng đến tiêu dùng và đầu tư như đại dịch Covid-19 năm 2020, cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008. Đường tổng cung dịch chuyển khi có sự thay đổi trong lạm phát kỳ vọng, các cú sốc chi phí như giá dầu tăng hay thời tiết thuận tiện, sự thay đổi về công nghệ. Mô hình tổng cung - tổng cầu khá hữu dụng trong việc sử dụng để phân tích thực trạng của nền kinh tế, phân tích chính sách và từ đó gợi mở một số giải pháp.

Hình 1. Mô hình tổng cung - tổng cầu



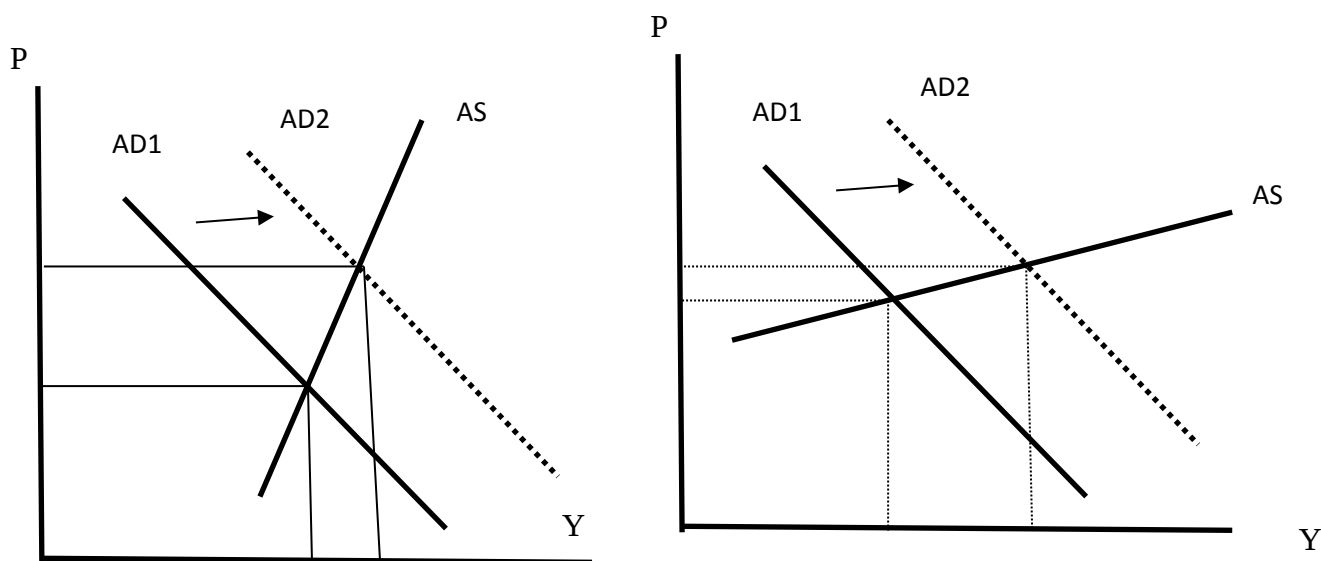
Khi nền kinh tế gặp phải cú sốc tiêu cực, chẳng hạn như khi nhà đầu tư lo ngại ảnh hưởng từ cuộc xung đột giữa Nga và Ukraina và cắt giảm đầu tư, khi đó đường tổng cầu sẽ dịch chuyển về bên trái và tại điểm cân bằng mới sản lượng sẽ sụt giảm và mức giá cũng sẽ giảm. Hay khi người tiêu dùng thấy bất ổn về việc làm, thu nhập trong tương lai, sẽ cắt giảm chi tiêu vì thế đường tổng cầu cũng dịch chuyển về phía trái. Để chống lại tác động tiêu cực của các cú sốc lên sản lượng, việc làm và thu nhập, Chính

phủ thường thực hiện các chính sách tiền tệ nới lỏng và/hoặc chính sách tài khóa mở rộng để kích cầu nền kinh tế (thường được gọi là chính sách kích cầu). Tuy nhiên, hiệu quả của chính sách phục hồi nền kinh tế phụ thuộc vào nhiều yếu tố như việc các chính sách có được thiết kế để đến đúng địa chỉ, triển khai đúng thời điểm và đúng liều lượng cần thiết hay không; các chính sách kích cầu có bị rò rỉ hay không; có sự tham nhũng, lãng phí và cấu kết để trục lợi từ các chính sách kích cầu, đặc biệt là từ chính sách tài khóa.

Trong cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2007 - 2008, đầu tư và tiêu dùng sụt giảm (làm cho đường tổng cầu trong mô hình đường tổng cung - tổng cầu dịch chuyển về bên trái), tăng trưởng kinh tế của các nước sụt giảm mạnh, thất nghiệp gia tăng. Nhiều nhà kinh tế đã so sánh quy mô cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2007 - 2008 với cuộc Đại Suy thoái năm 1929 - 1933. Đứng trước sự suy giảm trong tổng cầu, Chính phủ của các nước, khu vực như Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản, EU đều đưa ra gói kích cầu quy mô lớn. Việt Nam cũng đưa ra gói kích thích kinh tế với quy mô gần 7% GDP vào năm 2009. Việc đưa ra các chính sách kích cầu nhằm làm cho đường tổng cầu dịch chuyển lên trên sang phải, khi đẩy sản lượng sẽ phục hồi, việc làm được tạo mới và thất nghiệp sẽ suy giảm.

Tuy nhiên, có một số điểm cần lưu ý trong chính sách kích cầu của Chính phủ. Khi nền kinh tế ở trạng thái toàn dụng nhân công hay gần với trạng thái đó, đường tổng cung sẽ dốc hơn (như hình dưới bên trái) và chính sách kích cầu sẽ làm tăng sản lượng không đáng kể trong khi tác động lạm phát tăng mạnh, tạo nên bất ổn kinh tế vĩ mô. Ngược lại, khi nền kinh tế ở xa so với trạng thái toàn dụng nhân công, đường tổng cung sẽ phẳng hơn (như hình dưới bên phải) và chính sách kích cầu sẽ làm tăng mạnh sản lượng trong khi ảnh hưởng không đáng kể đến lạm phát. Điều đáng quan tâm là trong nhiều tình huống các nhà hoạch định chính sách không biết được trạng thái của nền kinh tế vì thế mà thực hiện chính sách kích cầu quá mức, tạo nên rủi ro bất ổn kinh tế vĩ mô trong khi không đem lại nhiều lợi ích cho tăng trưởng sản lượng; hoặc cũng vì không biết trạng thái của nền kinh tế nên Chính phủ đưa ra liều lượng kích cầu không đủ, làm cho nền kinh tế chậm phục hồi. Chính vì lý do này và một số lý do khác nữa (như kỳ vọng của người dân vào chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa) nên một số nhà kinh tế không ủng hộ chính sách kích cầu.

Hình 2. Tổng cầu dịch chuyển với đường tổng cung phẳng

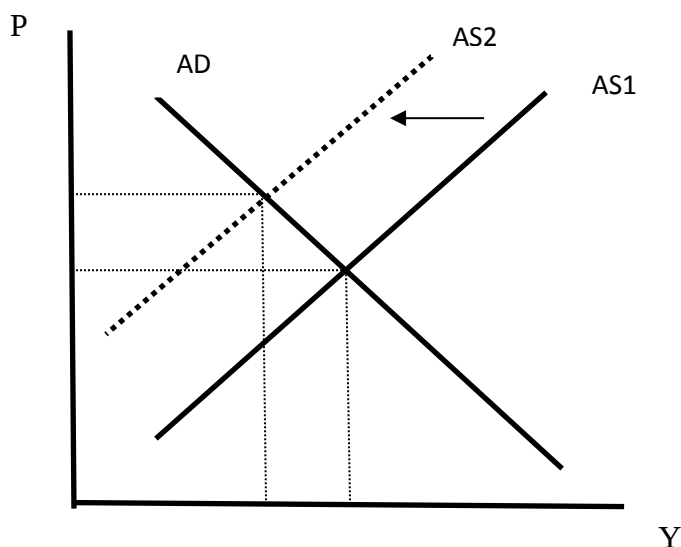


Thông thường, khi một cú sốc làm suy giảm tổng cầu thì đi cùng với đó là tăng trưởng giảm và lạm phát cũng giảm, nền kinh tế sẽ ở khoảng cách xa so với trạng thái toàn dụng nhân công và việc thực hiện chính sách tiền tệ nới lỏng và tài khóa mở rộng sẽ làm phục hồi sản lượng mà không lo sợ lạm phát tăng mạnh. Nhưng cũng có nhiều trường hợp nền kinh tế đã ở gần với trạng thái toàn dụng nhân công nhưng các nhà hoạch định chính sách cho rằng tăng trưởng của nền kinh tế có thể còn ở mức cao hơn nữa và thực hiện chính sách kích cầu, khi đó nền kinh tế sẽ trải qua trạng thái lạm phát tăng cao, bong bóng giá tài sản và bất ổn kinh tế vĩ mô.

Đối với các cú sốc làm đường cung dịch chuyển, lấy một ví dụ là hiện tượng hay tái diễn về giá dầu thế giới tăng trong những năm qua. Khi giá dầu thế giới tăng, chi phí sản xuất tăng và đường tổng cung sẽ dịch chuyển lên trên. Khi đấy, tại điểm cân bằng mới, sản lượng giảm và mức giá tăng (hình dưới). Đây là trường hợp được lặp đi lặp lại rất nhiều lần trong những thập niên vừa qua. Cuộc khủng hoảng dầu vào năm 1973, 1991 hay 2008 đều làm cho tăng trưởng sản lượng của nhiều quốc gia như Hoa Kỳ, EU giảm mạnh và đi kèm với đó là hiện tượng lạm phát tăng cao. Các chính sách kiềm chế lạm phát trong tình huống này là rất khó khăn vì phải đánh đổi khắc nghiệt giữa sản lượng (việc làm, thu nhập) và lạm phát. Các chính sách tiền tệ và tài khóa nhằm thu hẹp tổng cầu làm lãi suất tăng cao, chi tiêu chính phủ giảm vì thế càng làm cho sản lượng, việc làm và thu nhập giảm mạnh hơn nữa. Kiểm chế lạm phát trong trường hợp này đánh đổi rất lớn về sự mất mát trong sản lượng. Như việc Chính phủ Hoa Kỳ gần đây liên tục tăng lãi suất nhằm kiềm chế lạm phát, mỗi lần tăng lãi suất, thị trường chứng khoán Hoa Kỳ đều đi xuống, hoạt động của doanh nghiệp bị

ảnh hưởng lớn và do đó ảnh hưởng đến việc làm và thu nhập của người lao động.

Hình 3. Cú sốc chi phí làm tổng cung dịch chuyển về phía trái



2. Phân tích thực trạng nền kinh tế Việt Nam và các vấn đề

Tăng trưởng kinh tế là chỉ số kinh tế tổng hợp quan trọng, phản ánh tương đối toàn diện mọi mặt của nền kinh tế từ những cú sốc bên trong cũng như bên ngoài, từ những thay đổi trong chính sách và trong hiệu quả điều hành của Chính phủ.

Hình 4 bên dưới thể hiện diễn biến tăng trưởng kinh tế trong gần 40 năm qua bắt đầu từ thời kỳ Đổi mới năm 1986. Tăng trưởng kinh tế bắt đầu ở mức rất thấp, chỉ từ 2,8% năm 1986, nhưng kể từ đầu những năm 1990, tăng trưởng kinh tế đã tăng lên mức cao hơn cho đến khi cuộc khủng hoảng tài chính châu Á bắt đầu từ Thái Lan tác động và lây lan sang các nền kinh tế khác trong khu vực Đông Á và Đông Nam Á.

Tác động từ cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ châu Á lên nền kinh tế Việt Nam khá lớn. Tăng trưởng kinh tế giảm từ 8,2% năm 1997 xuống còn 5,8% năm 1998. Để đối phó với cú sốc tiêu cực này, Chính phủ đã đưa ra gói kích cầu năm 1999, nhờ đó, kể từ năm 2000, nền kinh tế đã có sự phục hồi trở lại và tăng trưởng kinh tế đã vượt mức hơn 7% cho đến năm 2007.

Thời điểm này, Việt Nam đón nhận bước ngoặt quan trọng trong hội nhập kinh tế quốc tế, trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) sau một thời gian dài đàm phán, thỏa thuận, điều chỉnh chính sách để nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế và đồng thời đáp ứng yêu cầu của WTO. Nhưng vào thời điểm Việt Nam gia nhập WTO cũng là thời điểm giá dầu thế giới tăng cao kỷ lục và tiếp sau đó là cuộc

khủng hoảng tài chính toàn cầu bắt đầu từ Hoa Kỳ (năm 2008) tác động mạnh mẽ lên nền kinh tế toàn cầu, trong đó có Việt Nam. Cuộc khủng hoảng này như là phép thử cho sức đề kháng của các nền kinh tế. Những nền kinh tế yếu kém và có các vấn đề nội tại, nợ xấu, nợ chính phủ ở mức cao, năng lực cạnh tranh yếu sẽ rơi vào suy thoái và trượt dài vào khủng hoảng như Hy Lạp, Bồ Đào Nha, Ý, Ireland.

Hình 4. Tăng trưởng kinh tế Việt Nam giai đoạn 1986 - 2022

Đơn vị: %



Nguồn: Tổng cục Thống kê

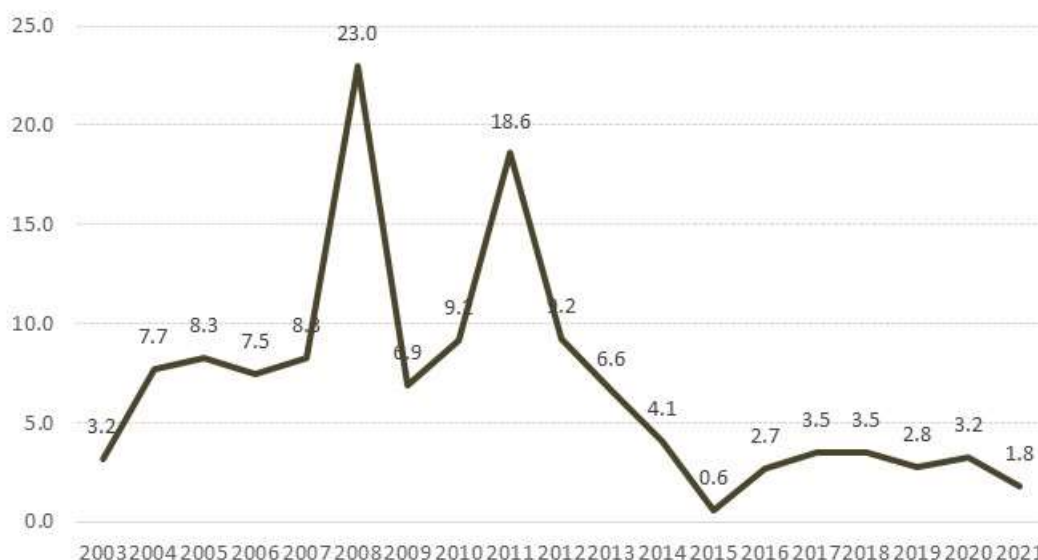
Nền kinh tế Việt Nam cũng chịu tác động tiêu cực, một phần do cuộc khủng hoảng. Tăng trưởng kinh tế giảm từ 7,1% năm 2007 xuống còn 5,7% năm 2008 và duy trì ở mức thấp 5 - 6% trong các năm sau đó. Ngay sau cuộc khủng hoảng nổ ra, Chính phủ đã thiết kế, bố trí vốn và triển khai thực hiện gói kích thích nền kinh tế, quy mô tương đương với 7% GDP³. Tuy nhiên, việc triển khai gói kích thích thiếu hiệu quả đã tạo thêm những bất ổn kinh tế vĩ mô thay vì phục hồi nền kinh tế. Tỷ lệ lạm phát - đo bằng chỉ số giá tiêu dùng - tăng từ 8,3% năm 2007 lên tới 23% năm 2008, lập kỷ lục lạm phát kể từ giai đoạn sau Đổi mới cho tới thời điểm đó. Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu làm thu hẹp tổng cầu của nền kinh tế. Giống với nhiều nước khác, Việt Nam cũng thực hiện chính sách kích thích tổng cầu, do đó đã hỗ trợ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế tăng trở lại vào năm 2010, 2011 (GDP năm 2010 tăng 6,78% so với năm 2009; năm 2011 tăng 5,89% so với năm 2010). Tuy nhiên, tỷ lệ lạm phát cao quay trở lại vào năm 2011,

³ Nguyễn Tuyên (2021), *Bốn bài học kinh nghiệm từ gói kích thích kinh tế 2008 - 2009: "hơn 10 năm chưa quyết toán xong"*, VnEconomy.

tăng lên tới 18,6% từ mức 9,2% năm 2010. Dòng tiền kích thích không đi vào nền kinh tế thực mà lại chảy vào hoạt động kinh doanh “ảo” như chứng khoán, bất động sản.

Hình 5. Diễn biến lạm phát Việt Nam

Đơn vị: %



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Giai đoạn tiếp sau đó, Chính phủ đã thực hiện chính sách tiền tệ linh hoạt, hợp lý hơn và có sự phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng hơn với chính sách tài khóa. Tăng trưởng kinh tế đã có sự phục hồi ấn tượng, lên tới hơn 7% vào năm 2018 và 2019. Tuy nhiên, một lần nữa, nền kinh tế lại tiếp tục đón nhận cú sốc từ bên ngoài và đà phục hồi, phát triển và ổn định của nền kinh tế lại bị cản trở.

Đại dịch Covid-19 xảy ra đầu năm 2020 đã làm cho tăng trưởng kinh tế Việt Nam giảm từ 7,4% năm 2019 xuống chỉ còn 2,9% năm 2020 và 2,6% năm 2021. Tăng trưởng kinh tế ở mức thấp nhất trong vòng gần 40 năm trở lại đây.

Diễn biến trong tăng trưởng kinh tế và tỷ lệ lạm phát kể từ sau Đổi mới cho thấy mô hình tổng cung - tổng cầu có thể giải thích về tình hình kinh tế Việt Nam. Cuộc khủng hoảng tiền tệ châu Á năm 1997 làm suy giảm tổng cầu của nền kinh tế, vì thế làm cho tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm mạnh từ 8,2% năm 1997 xuống 5,8% năm 1998 và tỷ lệ lạm phát cũng giảm từ 4% năm 1999 xuống mức âm (mức giá giảm) vào các năm sau đó. (Tác động đến lạm phát là có độ trễ) Đứng trước thực trạng tổng cầu suy giảm, Chính phủ đã thực hiện chính sách kích cầu nền kinh tế nhằm kích thích tăng trưởng, việc làm và thu nhập, đồng thời, lo ngại giảm

phát, chính sách kích cầu cũng kích thích lạm phát. Chính sách kích cầu triển khai vào năm 1999 và đã làm cho cả tăng trưởng kinh tế và tỷ lệ lạm phát tăng dần đều vào các năm sau đó. Chẳng hạn, tăng trưởng kinh tế tăng từ 4,8% năm 1999 lên 6,8% năm 2000 và 7,5% năm 2004; tỷ lệ lạm phát cũng có sự gia tăng từ -0,4% năm 2001 lên 3,8% năm 2002. Như vậy, mô hình tổng cung - tổng cầu đã giải thích tương đối tốt cú sốc của cuộc khủng hoảng tiền tệ châu Á năm 1997 và hiệu quả trong phản ứng chính sách của Chính phủ.

Như phân tích trên đã thể hiện, tăng trưởng kinh tế kéo dài kể từ khi thực hiện chính sách kích thích tổng cầu cho đến khi nền kinh tế chịu tác động từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008. Tăng trưởng kinh tế có sự sụt giảm mạnh từ 7,1% năm 2007 xuống còn 5,7% năm 2008. Cùng với đó, thời điểm này chứng kiến tỷ lệ lạm phát tăng rất cao từ 8,3% năm 2007 lên 23% năm 2008. Tại sao lại có hiện tượng này? Tổng cầu suy giảm sẽ làm giảm tăng trưởng kinh tế và tỷ lệ lạm phát nhưng trong giai đoạn này lại chứng kiến tăng trưởng kinh tế sụt giảm và tỷ lệ lạm phát gia tăng.

Tại thời điểm cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu “bùng nổ” thì giá dầu thế giới cũng tăng cao kỷ lục, vì thế - nếu diễn giải theo ngôn ngữ của mô hình tổng cung - tổng cầu - đường tổng cầu dịch chuyển về bên trái, vì thế nếu đường tổng cung đứng yên thì sản lượng và mức giá suy giảm. Nhưng tại thời điểm đó, giá dầu thế giới ở mức cao kỷ lục, vì thế đường tổng cung dịch chuyển lên trên, càng làm cho tăng trưởng suy giảm và mức giá tăng cao.

Chính phủ cũng đã thiết kế và triển khai gói kích thích nền kinh tế với quy mô gần 7% GDP, tăng trưởng kinh tế đã có sự gia tăng, từ 5,4% năm 2009 lên 6,4% năm 2010 nhưng việc triển khai thực hiện gói kích thích đã làm cho tỷ lệ lạm phát tăng mạnh, từ 9,2% năm 2010 lên 18,7% năm 2011, gây nên bất ổn kinh tế vĩ mô. Sau khi những yếu kém nội tại trong cơ cấu nền kinh tế bộc lộ; Đảng, Nhà nước đã thực hiện quá trình cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng nhằm nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

Hai cú sốc tài chính - tiền tệ từ bên ngoài đã làm bộc lộ những hạn chế và yếu kém trong hệ thống tài chính, cấu trúc nền kinh tế Việt Nam nhưng hệ thống ngân hàng mong manh, lực lượng doanh nghiệp mỏng, nhỏ, yếu, đầu tư công giàn trải, thiếu hiệu quả. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu ngày càng sâu rộng thông qua hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, các cú sốc cũng mang quy mô toàn cầu và ngày càng đa dạng thì những vấn

đề trong nền kinh tế sẽ trở nên nghiêm trọng hơn mỗi khi gặp phải các cú sốc bên ngoài.

Khác với hai cú sốc tài chính - tiền tệ trước đây, cú sốc dịch tễ năm 2020 chưa có tiền lệ đối với nền kinh tế Việt Nam. Quá trình tái cơ cấu nền kinh tế đã đem lại những kết quả tích cực bước đầu - tăng trưởng kinh tế ở mức cao và tỷ lệ lạm phát thấp ổn định, nhưng dịch Covid-19 bắt đầu từ năm 2020 đã tác động rất mạnh lên nền kinh tế. Do đứt gãy chuỗi cung ứng từ các biện pháp cách ly toàn xã hội, nhất là từ Trung Quốc nên đầu tư giảm mạnh, lao động, việc làm và thu nhập cũng giảm vì thế tiêu dùng giảm. Tổng cầu của nền kinh tế thu hẹp, tăng trưởng kinh tế sụt giảm từ 7,4% năm 2019 xuống còn 2,9% năm 2020 và 2,6% năm 2021. Đứng trước tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19 đến các khía cạnh kinh tế - xã hội và đời sống của người dân; Chính phủ đã đưa ra các chính sách hỗ trợ hướng tới các đối tượng khác nhau. Trong đó, có các chính sách tiền tệ - tín dụng hướng tới việc cơ cấu lại thời gian trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ; gia hạn thời hạn nộp thuế, tiền thuê đất; giảm trừ chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) đối với khoản chi ủng hộ, tài trợ của doanh nghiệp, tổ chức cho các hoạt động phòng, chống dịch Covid-19; giảm thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19; giảm tiền điện, lùi thời điểm đóng kinh phí công đoàn... cho đối tượng là các doanh nghiệp; thực hiện chính sách an sinh xã hội, hỗ trợ người lao động và các nhóm yếu thế... cho đối tượng là hộ gia đình, người lao động, người dân nói chung. Mục tiêu của các chính sách này nhằm giảm bớt khó khăn cho doanh nghiệp, hộ gia đình và người lao động do tác động bởi dịch bệnh và các biện pháp giãn cách xã hội được thực hiện, triển khai nghiêm ngặt.

Tuy nhiên, trên thực tế, việc triển khai các gói hỗ trợ là rất hạn chế vì nhiều nguyên nhân khác nhau. Đại dịch Covid-19 làm cho đường tổng cầu trong mô hình tổng cung - tổng cầu dịch chuyển xuống dưới, tăng trưởng kinh tế sụt giảm mạnh. Chính phủ đã đưa ra các chính sách hỗ trợ, kích thích nền kinh tế và mặc dù tăng trưởng tăng cao nhưng hiện doanh nghiệp vẫn rất khó khăn. Có lẽ, hiện trạng của nền kinh tế hiện nay là đường cung tương đối phẳng và các biện pháp kích cầu chưa đủ mạnh để hỗ trợ cho doanh nghiệp và tăng trưởng phục hồi mạnh mẽ, vững chắc.

3. Một số gợi ý giải pháp

Hiện nay, nền kinh tế đang trong trạng thái khó khăn, hoạt động của doanh nghiệp gặp nhiều thách thức, phát hành trái phiếu doanh nghiệp giảm mạnh, ngừng trệ, thị trường bất động sản đóng băng. Tín dụng trong

các tháng đầu năm tăng trưởng chậm, tăng 2,75% tính đến ngày 25/4/2023 (Mai Hà, 2023), nợ xấu có xu hướng gia tăng. Trước các rủi ro, khó khăn và thách thức đó, việc thiết kế và triển khai thực hiện các giải pháp trong bối cảnh hiện nay không dễ dàng, thậm chí rất khó khăn vì các mục tiêu đạt được có thể xung đột lẫn nhau và các chính sách cũng khó thiết kế để đạt được nhiều mục tiêu như thế. Hơn nữa, khu vực công đang có dấu hiệu vận hành chậm.

Chính sách tiền tệ

Việc duy trì tỷ lệ lạm phát thấp trong thời gian vừa qua là kết quả tích cực, nhất là trong bối cảnh giá xăng dầu, nhiên liệu thế giới tăng cao, tỷ lệ lạm phát nhiều nước tăng cao đỉnh điểm trong nhiều năm qua như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Anh... Kết quả tích cực này cần được tiếp tục giữ vững để góp phần vào ổn định kinh tế vĩ mô. Bên cạnh đó, tình hình doanh nghiệp đang gặp nhiều khó khăn và chưa thể phục hồi sau đại dịch Covid-19, chính sách tiền tệ cần hướng tới hỗ trợ bằng cách duy trì một số chính sách đang triển khai thực hiện như cơ cấu lại nợ cho doanh nghiệp, giãn nợ để doanh nghiệp và đồng thời ngân hàng có thời gian khôi phục lại sức khỏe. Cùng với đó, chính sách tiền tệ cần hướng tới việc nới lỏng hơn để giảm lãi suất và giảm nhẹ các điều kiện vay vốn bởi lãi suất giảm nhưng điều kiện vay vốn ngặt nghèo thì doanh nghiệp cũng khó tiếp cận được với tín dụng. Nói chung, chính sách tiền tệ đang trong tình thế khó khăn vì phải đồng thời hướng tới nhiều mục tiêu như hỗ trợ tăng trưởng, duy trì lạm phát thấp và không để nợ xấu phát sinh thêm gây nên rủi ro cho nền kinh tế trong tương lai.

Chính sách tài khóa

Trong và sau đại dịch Covid-19, chính sách tài khóa đang được thực hiện hiệu quả, cân bằng giữa mục tiêu ổn định vĩ mô (cân đối ngân sách) và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, hỗ trợ cho doanh nghiệp và người dân. Tuy nhiên, đầu tư công đang giải ngân chậm. Một trong số lý do đó là các cơ quan, địa phương và cá nhân thực hiện các dự án đầu tư công đang có sự cản trở quá mức, thậm chí có thể là sự trách nhiệm. Đây là vấn đề lớn liên quan đến cơ chế khuyến khích và thể chế chung khác liên quan đến nhiều bộ, ngành cần được quan tâm đẩy mạnh trong thời gian tới, góp phần đưa nền kinh tế quay trở lại quỹ đạo tăng trưởng trong trạng thái bình thường như trước thời điểm dịch bệnh Covid-19 bùng nổ.

Ổn định kinh tế vĩ mô

Ổn định kinh tế vĩ mô và cải thiện môi trường kinh doanh là điều kiện tiên quyết để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Việc đảm bảo ổn định kinh tế vĩ

mô đòi hỏi sự kết hợp nhịp nhàng, hợp lý giữa chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ để duy trì lạm phát ở mức thấp, ngân sách cân đối, nợ xấu trong hệ thống ngân hàng trong tầm kiểm soát, thị trường tài sản không hình thành bong bóng và thị trường trái phiếu phát triển. Để làm được điều này, ngoài các công cụ của chính sách tiền tệ và tài khóa thì các quy định trong phát triển thị trường trái phiếu cũng cần tiếp tục hoàn thiện để doanh nghiệp và người dân yên tâm, tin tưởng trong việc giao dịch trái phiếu doanh nghiệp; cần có các chính sách và giải pháp thúc đẩy thị trường bất động sản (nhưng thận trọng đưa ra các gói hỗ trợ bất động sản).

Cải thiện hiệu quả hoạt động của khu vực công

Sự tương tác giữa khu vực công và khu vực tư đóng vai trò quan trọng vào ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững. Tuy nhiên, trong thời gian qua, khu vực công bộc lộ nhiều vấn đề. Sự ngừng trệ trong bộ máy khu vực công ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của khu vực tư. Hiện tại, các cơ quan nhà nước đang đưa ra nhiều giải pháp thúc đẩy tinh thần trách nhiệm của cán bộ, viên chức dám nghĩ, dám làm, vì lợi ích chung. Về nguyên tắc, trách nhiệm cần đi đôi với lợi ích, trách nhiệm càng lớn thì lợi ích hay phần thưởng cũng phải tương xứng với đó⁴. Cũng như người lao động, làm việc vất vả, phần thưởng sẽ phải tương xứng. Do đó, hoàn thiện thể chế, quy định, nhất là các quy định về tài chính, đầu tư cần được tiếp tục đẩy nhanh thực hiện, khi đó mới tháo gỡ được vấn đề tồn tại và cải thiện hiệu quả hoạt động của khu vực công, góp phần thúc đẩy nền kinh tế vận hành mạnh mẽ.

Tài liệu tham khảo

Tiếng Việt

1. Mai Hà (2023), *Doanh nghiệp khó khăn, ngân hàng thương mại lãi cao*, Thanh niên, <https://thanhnien.vn>.
2. Nguyễn Tuyên (2021), *Bốn bài học kinh nghiệm từ gói kích thích kinh tế 2008 - 2009 “hơn 10 năm chưa quyết toán xong”*, Vneconomy.

Tiếng Anh

3. Blanchard, O., Amighini, A., và Giavazzi, F. (2010), *Macroeconomics: A European Perspective*, Pearson.

⁴ Phần thưởng ở đây không chỉ hoàn toàn vật chất mà có thể là sự ghi nhận, cơ hội thăng tiến trong nghề nghiệp, sự đánh giá của xã hội...

4. Mankiw, N. G. (2009), *Macroeconomics*, Worth Publishers.
5. Mishkin, F. S. (2012), *Macroeconomics: Policy and Practice*, Addison-Wesley.
6. World Bank (2023), *World Development Indicators*, <https://databank.worldbank.org/source/world-development-indicators>.

Bài viết đăng trên Tạp chí Kinh tế tài chính Việt Nam số tháng 6/2023

